

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu Logistics (khu dịch vụ hậu cần)  
thuộc khu Kim Thành - Bản Vược**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;*

*Căn cứ Quyết định 1627/2018/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai - tỉnh Lào Cai đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết; Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu logistics (khu dịch vụ hậu cần) thuộc khu Kim Thành - Bản Vược;*

*Căn cứ Thông báo số 904-TB/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về các quy hoạch, dự án trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 640/TTr-SGTVTXD ngày 08/9/2021,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu Logistics (khu dịch vụ hậu cần) thuộc khu Kim Thành - Bản Vược, với nội dung sau:

### 1. Vị trí, ranh giới

a) *Vị trí:* Thuộc xã Bản Qua, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là thị trấn Bát Xát, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Vị trí lập Quy hoạch được điều chỉnh từ một phần xã Bản Qua vào thị trấn Bát Xát theo Nghị quyết 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 sắp xếp các đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai.

b) *Ranh giới quy hoạch được xác định:*

- Phía Đông Nam tiếp giáp với khu cửa khẩu Kim Thành và suối Quang Kim;
- Phía Đông và Đông Bắc giáp Sông Hồng;
- Phía Tây Bắc giáp đường 35m (D7) và khu tái định cư số 2 Bát Xát;
- Phía Tây Nam giáp tuyến đường Kim Thành - Ngòi Phát, khu vực khai trường 24, 25.

**2. Quy mô quy hoạch:** Tổng diện tích **332ha**.

### 3. Cơ cấu quy hoạch, phân khu chức năng

Khu vực lập quy hoạch được chia làm 4 khu chức năng chính, bao gồm:

- Khu 1: Khu vực đô thị hỗn hợp (Các tòa nhà chức năng hỗn hợp; dịch vụ thương mại; tài chính; ngân hàng; trung tâm tổ chức sự kiện; khách sạn - nhà hàng; vui chơi - giải trí, công viên, ở đô thị, xưởng sản xuất, gia công, đóng gói, bảo quản hàng hóa...). Tổng diện tích 1.765.900m<sup>2</sup> (176,59ha).

- Khu 2: Khu vực phát triển mở rộng đô thị Bát Xát (Các tòa nhà hỗn hợp; dịch vụ thương mại; bệnh viện đa khoa; trung tâm thể dục thể thao, sân vận động cấp đô thị; ở đô thị; đất dự trữ phát triển cho đô thị Bát Xát...). Tổng diện tích 598.777,00m<sup>2</sup> (59,88ha).

- Khu 3: Khu vực sản xuất - gia công - đóng gói - bảo quản hàng hóa (Khu hành chính quản lý; xưởng sản xuất, gia công, đóng gói, bảo quản hàng hóa; kho bãi tổng hợp...). Tổng diện tích 418.900m<sup>2</sup> (41,89ha).

- Khu 4: Khu vực Logistics và kho bãi (Khu Logistic; kho chuyên dụng...). Tổng diện tích 536.423m<sup>2</sup> (53,64ha).

### 4. Quy hoạch sử dụng đất

a) *Đất an ninh quốc phòng:* Ký hiệu ô đất ANQP, diện tích 5.097,39m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng Trạm Biên phòng, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao xây dựng tối đa 19,0m (tương đương 05 tầng).

b) *Đất khu điều hành:* Ký hiệu ô đất ĐH, diện tích 31.985,35m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng khu điều hành quản lý chung cho khu vực sản xuất - gia công - đóng gói - bảo quản hàng hóa, đồng thời đây cũng là trung tâm giao thương, trưng bày giới thiệu sản phẩm cho các doanh nghiệp, nhà máy trong và ngoài khu vực, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao

xây dựng tối đa 35,0m (tương đương 09 tầng).

c) *Đất y tế (bệnh viện đa khoa)*: Ký hiệu ô đất YT, diện tích 66.160,40m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng Bệnh viện đa khoa, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao xây dựng tối đa 35,0m (tương đương 09 tầng).

d) *Đất trung tâm thể dục thể thao huyện*: Ký hiệu ô đất TDTT1, TDTT2 tổng diện tích 126.824,82m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng trung tâm thể thực thể thao cấp đô thị (nhà thi đấu, sân vận động...), mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao xây dựng tối đa 19,0 đến 35,0m (tương đương 05 đến 09 tầng).

e) *Đất dịch vụ (cây xăng)*: Ký hiệu ô đất DV, diện tích 5.207,30m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, mật độ xây dựng tối đa 60%, chiều cao xây dựng tối đa 12,5m (tương đương 03 tầng).

f) *Đất sử dụng hỗn hợp*: Ký hiệu ô đất HH1 đến HH18, tổng diện tích 1.139.392,75m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng bám dọc theo trục đường N5 và công trình hỗn hợp thấp tầng dọc các trục đường còn lại; kết hợp nhiều chức năng như trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn - nhà hàng, nhà ở đô thị, văn phòng, xưởng sản xuất, gia công, đóng gói, bảo quản hàng hóa...; mật độ xây dựng tối đa từ 40-45%, chiều cao xây dựng tối đa 42,0m (tương đương 12 tầng).

\* *Lưu ý*: Mật độ xây dựng tối đa đối với từng công trình, thửa đất ở đô thị phải đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

g) *Đất sản xuất - gia công - đóng gói - bảo quản hàng hóa*: Ký hiệu ô đất SX1, SX2, SX3, SX4A, SX4B, tổng diện tích 322.270,37m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng các nhà máy, nhà xưởng sản xuất - gia công - đóng gói - bảo quản hàng hóa, kho bãi, kho chuyên dụng... không gây ô nhiễm môi trường, mật độ xây dựng tối đa 60%, chiều cao xây dựng tối đa 19,0m (tương đương 05 tầng).

h) *Đất Logistics*: Ký hiệu ô đất LG, diện tích 305.397,72m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng khu quản lý, dịch vụ vận chuyển, chuyên chở, lưu trữ và cung cấp hàng hóa, vận tải giao nhận hàng.... đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu, mật độ xây dựng tối đa 60%, chiều cao xây dựng tối đa 19,0m (tương đương 05 tầng).

i) *Đất kho tàng (kho chuyên dụng)*: Ký hiệu ô đất KH, diện tích 58.362,87m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng kho chuyên dụng, mật độ xây dựng tối đa 60%, chiều cao xây dựng tối đa 19,0m (tương đương 05 tầng).

k) *Đất cây xanh*:

- Đất cây xanh đô thị: Tổng diện tích 129.044,97m<sup>2</sup>, gồm các ô đất có ký hiệu CX1.1 đến CX1.3, CX2 đến CX8; mục đích trồng cây xanh tạo các không gian cây xanh, cảnh quan.

- Đất đồi cảnh quan: Tổng diện tích 305.905,75m<sup>2</sup>, gồm các ô đất có ký hiệu DCQ1 đến DCQ4 là đất đồi cây xanh, cảnh quan giữ nguyên theo hiện trạng.

- Đất cây xanh cách ly: Tổng diện tích 13.888,60m<sup>2</sup>, gồm các ô đất có ký hiệu

CCL1 đến CCL4 là đất cây xanh cách ly bảo vệ đường giằng điện cao thế trong khu vực lập quy hoạch.

l) *Mặt nước*: Ký hiệu ô đất MN1 đến MN4 với tổng diện tích 22.536,30m<sup>2</sup>, là mặt nước suối Quang Kim nằm trong khu vực lập quy hoạch.

m) *Đất hạ tầng kỹ thuật*: Tổng diện tích 787.925,41m<sup>2</sup>, mục đích xây dựng đường giao thông, ga rác, nhà máy xử lý nước thải, hạ tầng kỹ thuật khác...

n) *Bảng thống kê sử dụng đất*:

Số TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ XD tối đa (%)	Chiều cao XD tối đa (m)	Số lượng (lô)	Tỷ lệ (%)
1	Đất an ninh quốc phòng	ANQP	5.097,39	40	19	1	0,15
2	Đất điều hành	ĐH	31.985,35	40	35	1	0,96
3	Đất y tế (bệnh viện đa khoa)	YT	66.160,40	40	35	1	1,89
4	Đất trung tâm TĐTT huyện	TĐTT	126.824,82	40	19-35	2	3,82
4.1	<i>Đất trung tâm TĐTT huyện 1</i>	<i>TĐTT1</i>	<i>35.275,03</i>	<i>40</i>	<i>19</i>	<i>1</i>	<i>1,06</i>
4.2	<i>Đất trung tâm TĐTT huyện 2</i>	<i>TĐTT2</i>	<i>91.549,79</i>	<i>40</i>	<i>35</i>	<i>1</i>	<i>2,76</i>
5	Đất dịch vụ (cây xăng)	DV	5.207,30	60	12,5	1	0,16
6	Đất sử dụng hỗn hợp	HH1 đến HH18	1.139.392,75	40-45	42	18	34,43
7	Đất sản xuất - gia công - đóng gói - bảo quản hàng hóa	SX1 đến SX3, SX4A, SX4B	322.270,37	60	19	5	9,71
8	Đất logistics	LG	305.397,72	60	19	1	9,20
9	Đất kho tàng (kho chuyên dụng)	KH	58.362,87	60	19	1	1,76
10	Đất cây xanh - mặt nước		471.375,62				14,20
10.1	<i>Đất cây xanh đô thị</i>	<i>CX1.1 đến CX1.2 CX2 đến CX8</i>	<i>129.044,97</i>				<i>3,89</i>
10.2	<i>Đất đôi cảnh quan</i>	<i>DCQ1 đến DCQ4</i>	<i>305.905,75</i>				<i>9,21</i>
10.3	<i>Đất cây xanh cách ly</i>	<i>CCL1 đến CCL4</i>	<i>13.888,60</i>				<i>0,42</i>
10.4	<i>Mặt nước</i>	<i>MN1 đến MN4</i>	<i>22.536,30</i>				<i>0,68</i>
11	Đất hạ tầng kỹ thuật		787.925,41				23,73

11.1	Đất ga rác	GR	1.045,75			1	0,03
11.2	Đất đầu mối công trình HTKT	HTKT1 đến HTKT3	35.925,31	40	12,5	3	1,08
11.3	Đất giao thông + HTKT khác		750.954,35				22,62
<b>12</b>	<b>Tổng</b>		<b>3.320.000</b>				<b>100</b>

## 5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### a) Quy hoạch giao thông:

#### a1. Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường Kim Thành - Ngòi Phát kết nối giao thông từ cửa khẩu Kim Thành đi cửa khẩu Bản Vược qua khu vực lập quy hoạch được xác định là tuyến giao thông trục chính của khu vực. Tuyến đường Kim Thành - Ngòi Phát được định hướng mở rộng nền đường, với quy mô  $B_{mặt}=2 \times 10,5m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 10,0m$ ,  $B_{phân\ cách}=4,0m$ ,  $B_{nền}=45,0m$ . Nâng quy mô cầu hiện trạng bắc qua suối Quang Kim từ  $B_{mặt}=16,0m$  lên thành  $B_{mặt}=25,0m$ , mở rộng mặt cầu về phía hạ lưu.

- Thiết kế kéo dài tuyến đường D7 từ nút giao với đường Kim Thành - Ngòi Phát ra đường N1 (chạy dọc Sông Hồng) với quy mô:  $B_{mặt}=2 \times 10,5m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 10,0m$ ,  $B_{phân\ cách}=2,0m$ ,  $B_{nền}=43,0m$ ;

- Thiết kế mới tuyến đường N1 chạy dọc sông Hồng với quy mô:  $B_{mặt}=2 \times 9,0m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 7,0m$ ,  $B_{phân\ cách}=3,0m$ ,  $B_{nền}=35,0m$ ;

a2. Giao thông đối nội: Mạng lưới giao thông trong khu vực lập quy hoạch sẽ thiết kế các tuyến đường gom, đường nhánh kết nối với các tuyến đường đối ngoại tạo thành mạng lưới giao thông dạng ô bàn cờ, để hình thành các quỹ đất xây dựng mới, gồm các tuyến đường:

- Đường N2, N4 có cùng quy mô:  $B_{mặt}=2 \times 9,0m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 7,0m$ ,  $B_{phân\ cách}=3,0m$ ,  $B_{nền}=35,0m$ ;

- Đường N3, N5 có cùng quy mô:  $B_{mặt}=2 \times 9,0m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 10,0m$ ,  $B_{phân\ cách}=5,0m$ ,  $B_{nền}=43,0m$ ;

- Đường N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12, N16, N17, N20 có cùng quy mô:  $B_{mặt}=15,00m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 7,0m$ ,  $B_{nền}=29,0m$ ;

- Đường N13, N14, N18, N19, N21 có cùng quy mô:  $B_{mặt}=10,50m$ ,  $B_{via\ hệ}=2 \times 5,0m$ ,  $B_{nền}=20,5m$ ;

- Đường N15 có quy mô:  $B_{mặt}=10,50m$ ,  $B_{via\ hệ}=10,0m$ ,  $B_{nền}=20,5m$ ;

- Trên tuyến đường N1 và đường N21 xây dựng mới 02 cây cầu nối sang đường D1 và D1B, thiết kế chi tiết được thể hiện trong bước lập dự án.

#### a3. Chỉ giới xây dựng:

- Đối với công trình hỗn hợp: Lùi tối thiểu 0,9m đến 6,0m, tùy thuộc vào chiều

cao cụ thể từng công trình và bề rộng đường tiếp giáp với lô đất xây dựng công trình, đảm bảo theo Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

- Đối với các công trình logistic, kho bãi, sản xuất gia công, hạ tầng kỹ thuật, điều hành, bệnh viện: Lùi  $\geq 10,0\text{m}$  so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông, lùi  $\geq 5,0\text{m}$  so với ranh giới còn lại của lô đất.

*b) Chuẩn bị kỹ thuật:*

b1. San nền:

- Đối với các ô đất cơ quan, đất văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ, hỗn hợp, giáo dục, bệnh viện, hạ tầng kỹ thuật, logistic, kho bãi được san nền theo cốt trung bình đảm bảo không gây ngập úng cho mặt bằng và dốc 0,5% theo hướng vuông góc với đường giao thông.

- Đối với các ô đất sản xuất gia công khối lượng san gạt cụ thể sẽ được tính toán trong bước lập dự án thiết kế cho từng ô đất.

- Phương án san nền, khối lượng san gạt cụ thể sẽ được tính toán trong bước lập dự án thiết kế cho từng dự án, ô đất phù hợp với dây truyền và công năng sử dụng.

b2. Thoát nước mặt:

- Xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh đầy đủ và đồng bộ cho toàn khu quy hoạch.

- Trên các tuyến đường giao thông đối nội thiết kế hệ thống cống tròn D75cm kết hợp D100cm để thu nước mặt đường thông qua hệ thống các cửa thu-hố ga, khoảng cách các hố từ 30-40m/hố (tùy theo từng vị trí, độ dốc của tuyến đường). Nước mặt sau thu gom một phần sẽ dồn về hệ thống các cống trực D100cm - D200cm trên đường Kim Thành - Ngòi Phát, còn lại được xả ra sông Hồng tại các vị trí tụ thủy để giảm tải lưu lượng cho các cống trực.

- Trên tuyến đường D7 thiết kế nối tiếp 02 tuyến cống D150cm chạy dọc theo vỉa hè, thu gom nước mặt từ các đường nhánh sau đó thoát ra sông Hồng.

- Tuyến đường Kim Thành - Ngòi Phát tại vị trí giao với đường N2, N9 là các vị trí tụ thủy của tuyến đường, do đó thiết kế các tuyến cống D200cm, cống hộp 3m\*3m chạy dọc theo đường N2 và N9 để dẫn nước mặt đã thu gom thoát ra sông Hồng.

b3. Giải pháp thiết kế kè:

- Dọc theo sông Hồng định hướng thiết kế các tuyến kè BTCT có chiều cao trung bình  $H=5,0\text{m}-10,0\text{m}$ , nối tiếp với các đoạn kè đã xây dựng để đảm bảo chống ngập và ổn định taluy đường ven sông Hồng.

- Dọc theo suối Quang Kim thiết kế hệ thống kè suối bằng kè trọng lực chiều cao trung bình  $H=5,0\text{m}$  và mái taluy được gia cố - Xây dựng hệ thống kè ốp mái tại các vị trí mặt bằng có sự chênh lệch lớn.

c) *Quy hoạch cấp nước:*

- Tổng nhu cầu cấp nước của khu vực: Khoảng  $Q = 4.500\text{m}^3/\text{ngđ}$ .

- Nguồn nước: Theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai - tỉnh Lào Cai đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050, nước cấp cho khu vực quy hoạch nằm trong hệ thống cấp nước chung của thị trấn Bát Xát, gồm 03 nhà máy nước với định hướng công suất như sau: Nhà máy nước Bản Vược công suất  $4.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; nhà máy nước Bát Xát công suất  $10.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; nhà máy nước Quang Kim công suất  $4.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ , hòa chung vào mạng lưới đường ống cấp nước trực chính đã có dọc đường TL156B với ống D300mm và đường Kim Thành - Ngòi Phát với ống D160mm.

- Mạng lưới đường ống:

+ Xây dựng tuyến ống truyền dẫn cấp nước trực chính D300mm dọc đường D7 đoạn từ ranh giới lập quy hoạch đến nút giao với đường Kim Thành - Ngòi Phát.

+ Xây dựng tuyến ống D160 từ nhà máy nước Quang Kim dẫn dọc đường N2 vào đường Kim Thành- Ngòi Phát.

+ Xây dựng tuyến ống D160 dọc hai bên đường Kim Thành- Ngòi Phát, phân nhánh bằng các đường ống D110 hình thành mạng lưới kiểu vòng kín cấp nước bao quát cho các khu vực.

+ Xây dựng các tuyến ống D50mm - D63mm khởi thủy từ tuyến ống D110 để cấp đến chân công trình.

+ Sử dụng ống HDPE tối thiểu loại PN10 và các thiết bị đấu nối đồng bộ tương đương. Độ sâu chôn ống trung bình 0,8m.

+ Các tuyến ống phải đi qua phía trước công trình và có đồng hồ đo nước để tại vị trí dễ kiểm tra.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Trụ nước chữa cháy được bố trí dọc tuyến ống D110 - D160 và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy; đảm bảo phạm vi phòng cháy chữa cháy theo quy định.

d) *Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc:*

d1. Nguồn điện: Nguồn điện được lấy từ đường dây ngầm 22kV sau trạm 110kV Lào Cai 2, hiện trạng đang cấp điện cho khu Kim Thành, giáp khu quy hoạch.

d2. Trạm biến áp:

- Tháo dỡ 02 trạm biến áp treo hiện trạng nằm trong khu quy hoạch để tạo quỹ đất sắp xếp các khu chức năng quy hoạch.

- Xây dựng mới 24 trạm biến áp phân phối 22/0,4kV phục vụ cấp điện cho các khu chức năng khu quy hoạch. Trong đó, gồm 12 trạm cấp điện các khu hỗn hợp, 02 trạm cấp điện khu Logistic, kho bãi, 01 trạm cấp điện các khu hành chính, 08 trạm

cấp điện các khu sản xuất và 01 trạm cấp điện khu bệnh viện.

- Các khu dịch vụ, hỗn hợp, logistic, kho bãi sản xuất sử dụng công suất lớn (>100kVA) sẽ yêu cầu xây dựng trạm biến áp riêng. Vị trí, công suất trạm có thể thay đổi theo quy mô sử dụng, sẽ được tính toán cụ thể ở bước lập dự án.

- Trạm biến áp xây dựng kiểu trạm kiosk hoặc trạm compact treo trên cột đảm bảo mỹ quan khu vực xây dựng.

### d3. Lưới điện:

- Lưới điện cao thế: Giữ lại các tuyến đường dây 110kV và 220kV Trung Quốc-Việt Nam, đảm bảo hành lang an toàn lưới điện tới các công trình xây dựng.

- Lưới điện trung thế:

+ Tháo dỡ tuyến đường dây nội 35kV nhánh rẽ lộ 374 qua khu quy hoạch.

+ Xây dựng mới 03 lộ tuyến đường dây ngầm 22kV chạy dưới vỉa hè đường Kim Thành-Ngôi Phát, đường N1 và N4.

+ Xây dựng mới các tuyến đường dây ngầm 22kV nhánh rẽ cấp điện tới các trạm biến áp xây mới trong khu quy hoạch.

- Lưới điện hạ thế: Xây dựng mới các tuyến đường dây ngầm hạ thế 0,4kV cấp điện từ các trạm biến áp xây mới tới các khu dân cư, công cộng trong khu quy hoạch, sử dụng cáp ngầm chống thấm theo quy định ngành điện, các khu dịch vụ, hỗn hợp, logistic, kho bãi, sản xuất sẽ tự đầu tư xây dựng đường dây hạ thế theo chức năng sử dụng.

d4. Chiếu sáng công cộng: Xây dựng các tuyến đường dây chiếu sáng ngầm dọc các tuyến đường giao thông, sử dụng cột thép lắp bộ đèn công nghệ LED điều khiển (dimming) 5 cấp công suất tiết giảm ánh sáng theo thời gian, tiết kiệm năng lượng; Bố trí chiếu sáng một bên đường hoặc hai bên đường. Với tuyến đường có dải phân cách bố trí chiếu sáng ở giữa dải phân cách.

d5. Thông tin liên lạc: Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc phù hợp với quy mô và nhu cầu của khu quy hoạch, cho phép cung cấp dịch vụ đến mọi khu vực của dự án. Dự kiến công trình viễn thông sẽ tổ chức cho đơn vị cung cấp dịch vụ triển khai và kinh doanh theo hợp đồng.

### e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

e1. Thoát nước thải: Quy hoạch hệ thống thoát nước thải phải được tách riêng gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất. Hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mặt, được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận (sông, suối).

- Nước thải sinh hoạt:

+ Quy hoạch 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt với quy mô công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày theo định hướng khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đã được phê duyệt, tại



vị trí cuối tuyến suối Quang Kim chảy ra sông Hồng có cao độ +99,0m.

+ Do độ dốc đường ống không đảm bảo tự chảy về trạm xử lý do đó cần xây dựng các trạm bơm nước thải cục bộ (dùng bơm chìm tự động theo mực nước thải); đường ống bơm sử dụng vật liệu đảm bảo kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành.

+ Quy hoạch mạng lưới cống thoát nước thải riêng vào cống D315mm đi dọc vỉa hè đường sau đó ra cống thoát nước chính D400mm kết hợp với 03 trạm bơm nước thải để đưa về trạm xử lý.

+ Tuyến cống dọc đường N15 và đường Kim Thành - Ngòi Phát còn có nhiệm vụ chờ thu nước cho các lưu vực lân cận ngoài ranh giới theo định hướng thoát nước tổng thể của khu vực để đưa về trạm xử lý nước thải.

+ Thoát nước thải phải đảm bảo độ dốc đáy cống tối thiểu 0,4%; Độ sâu chôn cống ban đầu trung bình 0,8m tính từ đỉnh cống; Bố trí hố ga trên tuyến ống trung bình 30m/hố.

- Nước thải sản xuất:

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sản xuất cho khu vực với quy mô công suất 2.000m<sup>3</sup>/ngđ, tại vị trí có cao độ +95,5m thấp nhất trên đường Kim Thành - Ngòi Phát và giáp sông Hồng.

+ Nước thải sản xuất được thu gom ra tuyến cống D400mm dọc vỉa hè đường, tự chảy về phía trạm xử lý nước thải sản xuất theo độ dốc dọc đường.

- Nước thải sau khi xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

e2. Vệ sinh môi trường:

- Rác thải sinh hoạt:

+ Tiêu chuẩn và nhu cầu thu gom chất thải rắn: Tiêu chuẩn chất thải rắn là 0,9 kg/người.ngày; rác thải khác tính bằng 20% rác sinh hoạt. Nhu cầu thu gom chất thải rắn sinh hoạt là 10,8 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn được tổ chức phân loại từ nguồn phát sinh; thu gom về các thùng đựng rác thích hợp tại các khu đất, tầng tòa nhà, khu công viên cây xanh; rác thải được thu gom và vận chuyển đến điểm ga rác thải, chuyển lên xe cơ giới đưa đến khu nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai.

- Rác thải công nghiệp tính toán với chỉ tiêu 0,3 tấn/ha được phân loại tại nguồn, với chất thải rắn nguy hại được đưa lên xe chuyên dụng chở đến khu xử lý chất thải rắn tại Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng.

e3. Nghĩa trang: Khu vực không bố trí nghĩa trang, nhu cầu an táng của nhân dân trong phạm vi khu quy hoạch quy tập về nghĩa trang tập trung của thị trấn Bát Xát và xã Quang Kim (nằm ngoài ranh giới quy hoạch).

## **6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược**

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước dự án sẽ tiếp tục thực hiện các nội dung đánh giá tác động môi trường ĐTM


theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND huyện Bát Xát, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.

2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện quản lý quỹ đất theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Giao thông vận tải - Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bát Xát; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- TT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3/QĐ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT,KT1,TNMT1,QLĐT1.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Xuân Trường**